

## THÔNG TƯ

### Hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh

Thông tư số 22/2013/TT-NHNN ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 78/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2026.

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 29/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối,*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh.<sup>1</sup>*

<sup>1</sup> Thông tư số 78/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có căn cứ ban hành như sau:

*"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh; chế độ báo cáo đối với người vay, người phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

1. Người vay, người phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh theo quy định tại Nghị định 15/2011/NĐ-CP ngày 16/02/2011 về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ (sau đây gọi là Bên đi vay).
2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh.

### **Điều 2a. Nguyên tắc lập, gửi, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh<sup>2</sup>**

1. Hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trường hợp thủ tục hành chính chưa được cung cấp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố, có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc nộp hồ sơ, tiếp nhận, trả

---

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;*

*Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính."*

<sup>2</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 78/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 25/01/2026.

kết quả, trac đối, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

3. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) trừ Đơn đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh được khai trên Công dịch vụ công quốc gia. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ theo quy định.

4. Các tài liệu trong hồ sơ giấy thực hiện như sau:

a) Đơn đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh phải là bản gốc hoặc bản chính;

b) Thỏa thuận, văn bản do bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế ký kết hoặc ban hành là bản gốc, bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế về việc sao từ bản chính;

c) Các tài liệu khác trong thành phần hồ sơ là bản gốc, bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực.

5. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp thành phần hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam trừ trường hợp thỏa thuận, văn bản do bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế ký kết hoặc ban hành, bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế tự dịch và xác nhận, chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch.

6. Bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế có trách nhiệm bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, toàn vẹn dữ liệu của tài liệu, hồ sơ theo quy định tại Thông tư này.

7. Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ là 03 ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tuyến hoặc kể từ khi Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

8. Ngân hàng Nhà nước trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Thông tư này qua phương thức trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 3. Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh<sup>3</sup>**

---

<sup>3</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 78/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 25/01/2026.

1. Hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế:

a) Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài (theo Phụ lục 1A kèm theo Thông tư này) hoặc Đơn đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 1B kèm theo Thông tư này);

b) Thư bảo lãnh của Bộ Tài chính;

c) Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất kinh doanh sử dụng vốn huy động từ khoản vay nước ngoài hoặc khoản phát hành trái phiếu quốc tế;

d) Hợp đồng vay nước ngoài đã ký hoặc các hợp đồng liên quan đến đợt phát hành trái phiếu quốc tế (theo cấu trúc đợt phát hành).

2. Trình tự thực hiện xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thư bảo lãnh được ký và trước khi thực hiện rút vốn khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế, bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này tới Ngân hàng Nhà nước;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài hoặc khoản phát hành trái phiếu quốc tế.

Văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế của Ngân hàng Nhà nước bao gồm các nội dung chính sau: bên đi vay hoặc bên phát hành trái phiếu quốc tế, bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài song phương, khoản vay nước ngoài hợp vốn không sử dụng đại diện bên cho vay) hoặc đại diện bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài hợp vốn, khoản phát hành trái phiếu quốc tế sử dụng đại diện bên cho vay, đại diện các trái chủ); các đại lý liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có); các điều kiện cơ bản của khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (giá trị khoản vay, tổng trị giá khoản phát hành trái phiếu quốc tế; mục đích sử dụng vốn vay nước ngoài, vốn từ phát hành trái phiếu quốc tế; lãi suất; lãi phạt; phí; hình thức bảo đảm; thời hạn vay; kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ gốc, lãi); tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép nơi bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế mở tài khoản rút vốn, trả nợ khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế và các nội dung khác liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có). Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do;

c) Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có thông báo bằng văn bản gửi bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 60 ngày kể từ khi thông báo, nếu bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, công

chức Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước thực hiện đóng hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế.

**Điều 4. Thủ tục đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh<sup>4</sup>**

1. Trường hợp có bất kỳ thay đổi nội dung nào liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận, bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế có trách nhiệm thực hiện đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế:

a) Đơn đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài (theo Phụ lục 2A kèm theo Thông tư này) hoặc Đơn đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 2B kèm theo Thông tư này);

b) Thỏa thuận thay đổi đã ký trong trường hợp các nội dung thay đổi cần được thỏa thuận giữa các bên;

c) Thư hoặc phụ lục điều chỉnh thư bảo lãnh của Bộ Tài chính (nếu có).

3. Trình tự thực hiện xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi hoặc ngày Bộ Tài chính phát hành thư, phụ lục điều chỉnh thư bảo lãnh (nếu có) và trước khi thực hiện nội dung thay đổi, bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này tới Ngân hàng Nhà nước;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do;

c) Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có thông báo bằng văn bản gửi cho bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế. Sau 60 ngày kể từ khi thông báo, nếu Bên đi vay không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, công chức Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước thực hiện đóng hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế.

**Điều 5. Chế độ báo cáo đối với Bên đi vay**

<sup>4</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 78/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 25/01/2026.

Bên đi vay thực hiện báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh theo quy định của Bộ Tài chính. Bên đi vay có trách nhiệm sao gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối<sup>5</sup>) báo cáo trên để Ngân hàng Nhà nước phối hợp theo dõi, quản lý.

## **Điều 6. Hiệu lực thi hành<sup>6</sup>**

<sup>5</sup> Cụm từ “Vụ Quản lý Ngoại hối” được thay bằng cụm từ “Cục Quản lý ngoại hối” theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 78/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 25/01/2026.

<sup>6</sup> Điều 38, Điều 39 và Điều 40 của Thông tư số 78/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 25/01/2026 quy định như sau:

### **“Điều 38. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2026.
2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các điều khoản sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Điểm b và điểm d khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 2, khoản 6 Điều 3, khoản 2 và khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 11, Điều 16, khoản 3 Điều 19 Thông tư số 37/2013/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú;

b) Điều 14 và Điều 17 Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản;

c) Điểm b khoản 1 Điều 6 và điểm b, d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 10/2016/TT-NHNN hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

d) Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 15/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

đ) Khoản 2, khoản 8 Điều 6 Thông tư số 10/2022/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

e) Điều 3 Thông tư số 24/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

g) Khoản 8, khoản 10 Điều 1, điểm c khoản 2 Điều 2 Thông tư 23/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

### **Điều 39. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính không cần nộp bổ sung các thành phần hồ sơ đã được bãi bỏ, cắt giảm theo quy định tại Thông tư này trong trường hợp đã được yêu cầu nộp bổ sung trước ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Trường hợp đối tượng thực hiện thủ tục hành chính đã nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2013.
2. Bãi bỏ các quy định tại Mục I, Mục II, Mục III và Mục IV Chương III của Thông tư 09/2004/TT-NHNN ngày 21/12/2004 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc vay và trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Cục trưởng<sup>7</sup> Cục Quản lý Ngoại hối<sup>8</sup>, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Ngân hàng Nhà nước, người đại diện theo pháp luật của Bên đi vay, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

---

*chi nhánh Khu vực tiếp tục xem xét xử lý thủ tục hành chính theo quy định tại các thông tư có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.*

### **Điều 40. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

*Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.*

<sup>7</sup> Cụm từ “Vụ trưởng” được thay bằng cụm từ “Cục trưởng” theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 78/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 25/01/2026.

<sup>8</sup> Cụm từ “Vụ Quản lý Ngoại hối” được thay bằng cụm từ “Cục Quản lý ngoại hối” theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 78/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 25/01/2026.

**Phụ lục 1A<sup>9</sup>****TÊN BÊN ĐI VAY****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

*Tỉnh, Thành phố, ngày ... tháng ... năm ...**V/v đăng ký khoản vay nước  
ngoài được Chính phủ bảo lãnh***ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CHÍNH PHỦ  
BẢO LÃNH****Kính gửi:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Cục Quản lý Ngoại hối

- Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

- Căn cứ Thông tư số 22/2013/TT-NHNN ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư.../2025/TT-NHNN) và các thông tư sửa đổi bổ sung;

- Căn cứ thỏa thuận vay nước ngoài đã ký với bên (các bên) cho vay nước ngoài ngày .../.../...;

- Căn cứ Thư bảo lãnh do Bộ Tài chính phát hành ngày ...../...../.....;

[Tên Bên cho vay] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản vay trung, dài hạn nước ngoài của bên đi vay như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ BÊN ĐI VAY**

1. Tên bên đi vay:
2. Mã số thuế:
3. Mã định danh của tổ chức:
4. Loại hình bên đi vay<sup>(1)</sup>:
5. Địa chỉ:
6. Điện thoại:

Email:

<sup>9</sup> Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 78/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 25/01/2026.

7. Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

## **PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN KHOẢN VAY**

### **1. Thông tin về bên cho vay**

1.1 Tên bên cho vay (hoặc đại diện bên cho vay)<sup>(2)</sup>:

1.2. Quốc gia của bên cho vay (hoặc đại diện bên cho vay):

1.3. Loại hình bên cho vay (hoặc đại diện bên cho vay):

### **2. Thông tin về các bên liên quan khác:**

2.1. Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản:

Địa chỉ ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản:

2.2. Bên bảo lãnh khác:

+ Bảo lãnh bởi người cư trú:

+ Bảo lãnh bởi người không cư trú:

Quốc gia:

2.3. Bên liên quan khác<sup>(3)</sup>:

### **3. Mục đích vay**

3.1. Mục đích vay<sup>(4)</sup>:

3.2. Địa phương, nơi khoản vay sẽ được sử dụng:

3.3. Các tài liệu chứng minh tính hợp pháp của mục đích vay:

4. Ngày ký Thỏa thuận vay nước ngoài:

5. Giá trị khoản vay:

- Giá trị bằng số:

- Giá trị bằng chữ:

6. Đồng tiền thực hiện khoản vay:

6.1. Đồng tiền nhận nợ:

6.2. Đồng tiền rút vốn:

6.3. Đồng tiền trả nợ:

7. Hình thức vay:

8. Thời hạn vay:

9. Lãi suất vay<sup>(5)</sup>:

10. Các loại phí:

11. Lãi phạt:

12. Kế hoạch rút vốn:

13. Kế hoạch trả nợ gốc:

14. Kế hoạch trả nợ lãi:

15. Các biện pháp bảo đảm (nếu có):

16. Ngân hàng phục vụ giao dịch bảo đảm:

17. Dự kiến giá trị khoản giải ngân bằng ngoại tệ sẽ được bán cho TCTD được phép: (% khoản vay)

18. Dự kiến mua ngoại tệ trả nợ từ TCTD được phép: (% khoản vay)

19. Các nội dung khác (nếu có):

### **PHẦN THỨ BA: CAM KẾT**

Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của bên đi vay) cam kết:

1. Chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin trong Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài của Bên đi vay;

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định tại Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN ĐI VAY**

(Ký tên, đóng dấu)

#### **Thông tin liên hệ:**

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

Email:

Địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ nhận công văn:

#### **Hướng dẫn điền Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài:**

(1) Chọn loại hình bên đi vay theo phân tổ sau:

- Đối với khối doanh nghiệp (không bao gồm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài):

+ Khối doanh nghiệp nhà nước: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (SOE); doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% đến dưới 100% vốn điều lệ (S50).

+ Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Doanh nghiệp có tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài từ 51% đến 100% vốn điều lệ (F51); Doanh nghiệp có từ 10% đến dưới 51% vốn đầu tư nước ngoài (F10).

+ Khối doanh nghiệp khác: Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, Doanh nghiệp khác (KHA)

- Đối với khối tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

+ Khối ngân hàng thương mại có vốn đầu tư nước ngoài: Ngân hàng liên doanh, ngân hàng thương mại có 100% vốn nước ngoài; các tổ chức tín dụng phi ngân hàng có trên 50% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (FFI).

+ Khối tổ chức tín dụng có vốn nhà nước: Tổ chức tín dụng do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ (SFI)

+ Khối tổ chức tín dụng khác: OFI

(2) Ghi chính xác tên bên cho vay. Trường hợp khoản vay hợp vốn không có đại diện các bên cho vay (hoặc đại diện các bên cho vay không chịu trách nhiệm nhận tiền/chuyển tiền với bên đi vay), ghi rõ các thông tin tại mục này đối với từng bên cho vay, ghi chú bên cho vay chiếm đa số. Trường hợp khoản vay hợp vốn có đại diện các bên cho vay và đại diện bên cho vay sẽ chịu trách nhiệm làm đầu mối thanh toán chuyển tiền liên quan đến khoản vay (các bên cho vay cụ thể không trực tiếp chuyển tiền/nhận tiền với bên đi vay): ghi các thông tin của bên đại diện các bên cho vay. Trường hợp khoản vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không ghi danh, các thông tin về bên cho vay được thay thế bằng các thông tin về bên làm đại lý phát hành, đại lý ủy thác,... tùy theo cấu trúc phát hành

(3) Chỉ liệt kê các bên liên quan mà các dòng chuyển tiền giữa bên đi vay và các bên liên quan này. Trường hợp có các đại lý nhưng không có dòng tiền chuyển trực tiếp đến các bên đại lý đó thì không nêu tại mục này. Lưu ý các bên liên quan có thể là các doanh nghiệp được chia, tách từ bên đi vay ban đầu nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới trong việc thực hiện khoản vay theo thỏa thuận về trách nhiệm liên đới giữa bên cho vay và các bên được chia, tách từ bên đi vay ban đầu.

(4) Trường hợp mục đích vay để thực hiện dự án đầu tư: Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định về đầu tư; ... Trường hợp mục đích vay để tăng quy mô vốn theo phương án sử dụng vốn vay nước ngoài: ghi phương án sử dụng vốn vay nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Trường hợp mục đích vay để cơ cấu khoản nợ nước ngoài: ghi phương án cơ cấu khoản nợ nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(5) Ghi rõ mức lãi suất hoặc cách tính lãi, các tham chiếu cụ thể (nếu có).

Phụ lục 1B<sup>10</sup>TÊN BÊN ĐI VAYCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: .....  
V/v đăng ký khoản phát hành trái  
phiếu quốc tế được Chính phủ  
bảo lãnh

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ  
ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH****Kính gửi:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Cục Quản lý ngoại hối

- Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Căn cứ Thông tư số 22/2013/TT-NHNN ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư.../2025/TT-NHNN) và các thông tư sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ thỏa thuận vay nước ngoài đã ký với bên (các bên) cho vay nước ngoài ngày .../.../....;
- Căn cứ Thư bảo lãnh do Bộ tài chính phát hành ngày ...../...../.....;

[Tên Bên đi vay] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản vay trung, dài hạn nước ngoài của bên đi vay như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ BÊN ĐI VAY, BÊN CHO VAY VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****I. Thông tin về bên đi vay (là tổ chức phát hành trái phiếu quốc tế):**

1. Tên bên đi vay:
2. Mã số thuế:
3. Mã định danh của tổ chức:

<sup>10</sup> Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 78/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 25/01/2026.

4. Loại hình bên đi vay<sup>(1)</sup>:

5. Địa chỉ:

6. Điện thoại:

Email:

7. Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:.

8. Quyết định thành lập (hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định của pháp luật)

## **II. Thông tin về đại diện bên cho vay (trường hợp Bên đi vay lựa chọn cấu trúc phát hành có đơn vị đại diện các trái chủ nước ngoài)**

1. Tên đại diện bên cho vay<sup>(2)</sup>:

2. Quốc gia:

3. Loại hình đại diện bên cho vay:

## **III. Thông tin về các bên liên quan:**

1. Tổ chức bảo lãnh phát hành (Ghi rõ tên, địa chỉ của từng tổ chức bảo lãnh phát hành nếu có nhiều đơn vị cùng bảo lãnh phát hành):

2. Các đại lý có liên quan (ghi rõ tên, địa chỉ của từng Đại lý liên quan đến đợt phát hành như Đại lý niêm yết, Đại lý ủy thác, Đại lý thanh toán, Đại lý chuyển nhượng, Tổ chức lưu ký và thanh toán bù trừ...):

3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép:

3.1. Tên, địa chỉ TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép:

3.2. Số tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài mở tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép:

4. Các bên liên quan khác trong trường hợp có phát sinh dòng tiền<sup>(3)</sup> (ghi rõ tên, địa chỉ, liên quan):

## **PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ**

1. Tổng trị giá phát hành:

2. Mục đích phát hành (nêu rõ từng dự án đầu tư hoặc phương án đầu tư hoặc kế hoạch kinh doanh của Bên đi vay sẽ thực hiện bằng nguồn vốn phát hành; các văn bản phê duyệt liên quan theo quy định của pháp luật<sup>(4)</sup>):

3. Hình thức, loại tiền và thị trường phát hành:

4. Thời điểm phát hành:

5. Phương án sử dụng nguồn vốn phát hành:

6. Các văn bản phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành (nêu rõ các văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ; văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm

quyền theo quy định của pháp luật; văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo quy định của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế):

### **PHẦN THỨ BA: THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH**

1. Tổng giá trị danh nghĩa phát hành
    - 1.1. Bảng số:
    - 1.2. Bảng chữ:
  2. Tổng số tiền thực nhận:
    - 2.1. Bảng số:
    - 2.2. Bảng chữ:
  3. Ngày phát hành:
  4. Ngày đáo hạn:
  5. Lãi suất <sup>(5)</sup>:
  6. Các loại phí liên quan đến đợt phát hành (đề nghị nêu rõ tên từng loại phí, mức phí hoặc cách tính phí, ngày thanh toán hoặc kế hoạch thanh toán...):
  7. Điều kiện bảo lãnh:
  8. Điều kiện về chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu của trái phiếu kèm theo chứng quyền (nếu có):
    - 8.1. Thời gian chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu của trái phiếu kèm theo chứng quyền:
    - 8.2. Điều kiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu của trái phiếu kèm theo chứng quyền:
  9. Kế hoạch thu tiền bán trái phiếu:
  10. Kế hoạch thanh toán (gốc, lãi, phí) trái phiếu:
  11. Các điều kiện khác (nếu có) :
- (Đối với từng mục trên, đề nghị nêu rõ các điều khoản tham chiếu tại các văn kiện có liên quan).

### **PHẦN THỨ BA: CAM KẾT**

Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của bên đi vay) cam kết:

1. Chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin trong Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài của Bên đi vay;
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định tại Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý

bảo lãnh Chính phủ, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN ĐI VAY

(Ký tên, đóng dấu)

**Thông tin liên hệ:**

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

Email:

Địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ nhận công văn:

***Hướng dẫn điền Đơn đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế:***

(1) Chọn loại hình bên đi vay theo phân tổ sau:

- Đối với khối doanh nghiệp (không bao gồm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài):

+ Khối doanh nghiệp nhà nước: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (SOE); doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% đến dưới 100% vốn điều lệ (S50).

+ Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Doanh nghiệp có tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài từ 51% đến 100% vốn điều lệ (F51); Doanh nghiệp có từ 10% đến dưới 51% vốn đầu tư nước ngoài (F10).

+ Khối doanh nghiệp khác: Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, Doanh nghiệp khác (KHA)

- Đối với khối tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

+ Khối ngân hàng thương mại có vốn đầu tư nước ngoài: Ngân hàng liên doanh, ngân hàng thương mại có 100% vốn nước ngoài; các tổ chức tín dụng phi ngân hàng có trên 50% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (FFI).

+ Khối tổ chức tín dụng có vốn nhà nước: Tổ chức tín dụng do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ (SFI)

+ Khối tổ chức tín dụng khác: OFI

(2) Ghi chính xác tên bên cho vay. Trường hợp khoản vay hợp vốn không có đại diện các bên cho vay (hoặc đại diện các bên cho vay không chịu trách nhiệm nhận

tiền/chuyển tiền với bên đi vay), ghi rõ các thông tin tại mục này đối với từng bên cho vay, ghi chú bên cho vay chiếm đa số. Trường hợp khoản vay hợp vốn có đại diện các bên cho vay và đại diện bên cho vay sẽ chịu trách nhiệm làm đầu mỗi thanh toán chuyển tiền liên quan đến khoản vay (các bên cho vay cụ thể không trực tiếp chuyển tiền/nhận tiền với bên đi vay): ghi các thông tin của bên đại diện các bên cho vay. Trường hợp khoản vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không ghi danh, các thông tin về bên cho vay được thay thế bằng các thông tin về bên làm đại lý phát hành, đại lý ủy thác,... tùy theo cấu trúc phát hành

(3) Chỉ liệt kê các bên liên quan mà các dòng chuyển tiền giữa bên đi vay và các bên liên quan này. Trường hợp có các đại lý nhưng không có dòng tiền chuyển trực tiếp đến các bên đại lý đó thì không nêu tại mục này. Lưu ý các bên liên quan có thể là các doanh nghiệp được chia, tách từ bên đi vay ban đầu nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới trong việc thực hiện khoản vay theo thỏa thuận về trách nhiệm liên đới giữa bên cho vay và các bên được chia, tách từ bên đi vay ban đầu.

(4) Trường hợp mục đích vay để thực hiện dự án đầu tư: Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định về đầu tư;... Trường hợp mục đích vay để tăng quy mô vốn theo phương án sử dụng vốn vay nước ngoài: ghi phương án sử dụng vốn vay nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Trường hợp mục đích vay để cơ cấu khoản nợ nước ngoài: ghi phương án cơ cấu khoản nợ nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(5) Ghi rõ mức lãi suất hoặc cách tính lãi, các tham chiếu cụ thể (nếu có).

**Phụ lục 2A<sup>11</sup>****TÊN BÊN ĐI VAY****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:  
V/v đăng ký thay đổi khoản vay  
nước ngoài được Chính phủ  
bảo lãnh

Các tỉnh, TP, ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI**  
**ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH****Kính gửi:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Cục Quản lý Ngoại hối

- Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

- Căn cứ Thông tư số 22/2013/TT-NHNN ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư.../2025/TT-NHNN) và các thông tư sửa đổi, bổ sung;

- Căn cứ Thư bảo lãnh do Bộ tài chính phát hành ngày ...../...../..... và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

[Tên Bên đi vay] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản vay trung, dài hạn nước ngoài của bên đi vay như sau:

**I. Bên đi vay (là tổ chức phát hành trái phiếu quốc tế):**

1. Tên bên đi vay:
2. Mã số thuế:
3. Mã định danh của tổ chức:
4. Số, ngày của văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:
5. Số, ngày của (các) văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (liệt kê theo trình tự thời gian tất cả các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi - nếu có):

<sup>11</sup> Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 78/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 25/01/2026.

**II. NỘI DUNG THAY ĐỔI**

TT	Tên nội dung	Nội dung hiện tại	Nội dung thay đổi	Lý do thay đổi (*)
1				
2				

*\* Chú ý: ghi rõ điều khoản tham chiếu tại thỏa thuận thay đổi đối với mỗi nội dung thay đổi (nếu có).*

**III. KIẾN NGHỊ**

[Tên bên đi vay] đề nghị Ngân hàng Nhà nước xác nhận [Tên bên đi vay] đã đăng ký thay đổi nội dung khoản vay nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước.

**IV. CAM KẾT:**

1. Chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin trong Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài của Bên đi vay;
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định tại Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP  
CỦA BÊN ĐI VAY**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Thông tin liên hệ:**

Cán bộ phụ trách:

Điện thoại:

Email:

Địa chỉ giao dịch (hoặc địa chỉ nhận công văn):

**Phụ lục 2B<sup>12</sup>****TÊN BÊN ĐI VAY****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

*V/v đăng ký thay đổi khoản phát  
hành trái phiếu quốc tế được  
Chính phủ bảo lãnh***ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ  
ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH****Kính gửi:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Cục Quản lý Ngoại hối

- Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

- Căn cứ Thông tư số 22/2013/TT-NHNN ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư.../2025/TT-NHNN) và các thông tư sửa đổi bổ sung;

- Căn cứ Thư bảo lãnh do Bộ tài chính phát hành ngày ...../...../..... và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

[Tên Bên đi vay] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản vay trung, dài hạn nước ngoài dưới hình thức phát hành trái phiếu quốc tế của bên đi vay như sau:

**I. BÊN VAY:**

1. Tên bên đi vay:

2. Mã số thuế:

3. Mã định danh của tổ chức:

4. Số, ngày của văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài dưới hình thức phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

5. Số, ngày của (các) văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài dưới hình thức phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế của Ngân hàng Nhà nước

<sup>12</sup> Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 78/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 25/01/2026.

Việt Nam (liệt kê theo trình tự thời gian tất cả các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi - nếu có):

## II. NỘI DUNG THAY ĐỔI

1. Thay đổi 1<sup>1</sup>:

- Nội dung hiện tại:

- Nội dung thay đổi:

Lý do thay đổi :

2. Thay đổi n<sup>2</sup>:

*\* Chú ý: ghi rõ điều khoản tham chiếu tại thỏa thuận thay đổi đối với mỗi nội dung thay đổi (nếu có).*

## III. GIẢI TRÌNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÓ THỎA THUẬN THAY ĐỔI<sup>(3)</sup>(\*)

.....

## IV. KIẾN NGHỊ:

[Tên bên đi vay] ..... đề nghị Ngân hàng Nhà nước xác nhận..... [Tên bên đi vay] đã đăng ký thay đổi nội dung khoản vay nước ngoài dưới hình thức phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP  
CỦA BÊN ĐI VAY**

### **Thông tin liên hệ:**

Cán bộ phụ trách: : .....

Điện thoại: .....

Email:: .....

Địa chỉ giao dịch (hoặc địa chỉ nhận công văn):: .....

### ***Hướng dẫn điền Đơn đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế:***

(1) Ghi rõ nội dung cần thay đổi, ví dụ:

1. Thay đổi bên cho vay:

- Bên cho vay hiện tại:

.....

- Bên cho vay thay đổi:

.....

(2) Trường hợp thay đổi kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ mà các thỏa thuận vay không nêu rõ kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ thay đổi, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhu cầu vốn của bên đi vay phù hợp với thỏa thuận vay, bên đi vay chủ động ghi kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ dự kiến chi tiết theo tháng hoặc quý hoặc 6 tháng hoặc năm.

Trường hợp có nhiều nội dung thay đổi, bên đi vay ghi rõ từng nội dung cần thay đổi tương tự như hướng dẫn nêu trên.

(3) Ghi rõ 1 trong 2 lựa chọn nội dung sau:

- Các bên có ký thỏa thuận sửa đổi
- Các bên không ký thỏa thuận sửa đổi do nội dung thay đổi đã được thỏa thuận nguyên tắc tại Thỏa thuận vay đã ký (*nêu rõ Điều/khoản Tên Thỏa thuận, ngày ký thỏa thuận chứa đựng nội dung sửa đổi*)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

Số: **33** /VBHN-NHNN

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Hà Nội, ngày *22* tháng *01* năm 2026

**KT. THÔNG ĐỐC  
PHÓ THÔNG ĐỐC**



**Đoàn Thái Sơn**

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Công thông tin điện tử NHNN;
- Lưu VP, PC3.